

Số: 17/2026/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp và môi trường
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Xét Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành chính sách phát triển nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra số 1132/BC-KTNS ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về chính sách phát triển nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách phát triển nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia các hoạt động thuộc phạm vi chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp và môi trường theo Nghị quyết này trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã; các đơn vị liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ chính sách.

Điều 3. Ban hành chính sách phát triển nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030, với các nội dung sau:

1. Hỗ trợ sản xuất giống cây trồng bằng phương pháp nuôi cấy mô (In vitro) để phát triển các sản phẩm nông nghiệp lợi thế của tỉnh

a) Đối tượng hỗ trợ: Các tổ chức thực hiện sản xuất giống bằng phương pháp nuôi cấy mô (In vitro) đối với các loại cây trồng mía, sắn, dứa, chuối cung cấp cho các vùng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

b) Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Cây giống sản xuất được công bố lưu hành.
- Số lượng cây giống thương phẩm được sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô đối với mỗi loại cây trồng từ 50.000 cây trở lên/01 năm.

c) Nội dung và mức hỗ trợ:

Mức hỗ trợ 2.000 đồng/cây và không quá 01 tỷ đồng/loại cây/năm.

d) Thời điểm hỗ trợ: Sau khi hoàn thành sản xuất cây giống đủ tiêu chuẩn xuất vườn (cây có đủ rễ, thân, lá, được ra ngôi và luyện trên giá thể trong vườn ươm tối thiểu 90 ngày).

đ) Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu 01).
- Báo cáo kết quả nhân giống của đối tượng đề nghị hỗ trợ (bản chính) (theo mẫu 07).
- Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng hoặc Bản tự công bố lưu hành giống cây trồng (bản sao hợp lệ).

2. Hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà màng, nhà lưới để phục vụ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng nhà màng, nhà lưới để phục vụ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với cây rau, cây hoa, cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

b) Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Quy mô: Diện tích nhà màng, nhà lưới tối thiểu 0,1 ha đối với hộ gia đình, cá nhân; 0,5 ha đối với tổ chức.
- Được chứng nhận sản xuất đạt một trong các tiêu chuẩn sau: VietGAP/GlobalGAP/hữu cơ/GACP (trừ cây hoa).

c) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ một lần chi phí đầu tư xây dựng thực tế, không quá 100.000 đồng/m² nhà lưới, tối đa 1,0 tỷ đồng/đối tượng hỗ trợ. (Nhà lưới có khung được làm bằng sắt, thép, được bao phủ xung quanh toàn bộ hoặc phần lớn bằng lưới chắn côn trùng).

- Hỗ trợ một lần chi phí đầu tư xây dựng thực tế, không quá 150.000 đồng/m² nhà màng; tối đa 1,5 tỷ đồng/đối tượng hỗ trợ (Nhà màng có khung được làm bằng sắt, thép, được bao phủ xung quanh toàn bộ bằng màng nilon chuyên dụng).

d) Thời điểm hỗ trợ: Sau khi hoàn thành xây dựng nhà màng, nhà lưới và đảm bảo các điều kiện hỗ trợ.

đ) Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu 02).

- Hồ sơ đầu tư xây dựng nhà màng, nhà lưới (bản sao hợp lệ), gồm:
 - + Hợp đồng thi công;
 - + Thanh lý hợp đồng thi công;
 - + Hóa đơn, chứng từ thực tế.

- Giấy chứng nhận sản xuất đạt một trong các tiêu chuẩn sau: VietGAP/GlobalGAP/hữu cơ/GACP (trừ cây hoa) (bản sao hợp lệ).

3. Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp đạt tiêu chuẩn hữu cơ

a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân sản xuất cây rau, cây ăn quả đạt tiêu chuẩn hữu cơ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

b) Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Quy mô sản xuất:

+ Đối với cây rau: Diện tích tối thiểu 01 ha đối với hộ gia đình, cá nhân; 02 ha đối với hợp tác xã, tổ hợp tác; 05 ha đối với doanh nghiệp.

+ Đối với cây ăn quả: Diện tích tối thiểu 03 ha đối với hộ gia đình, cá nhân; 05 ha đối với hợp tác xã, tổ hợp tác; 10 ha đối với doanh nghiệp.

- Được chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ.

c) Nội dung và mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 01 phần chi phí sản xuất ban đầu (gồm giống, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học), mức hỗ trợ 45 triệu đồng/ha đối với cây ăn quả, tối đa 450 triệu đồng/đối tượng hỗ trợ; 30 triệu đồng/ha đối với cây rau, tối đa 300 triệu đồng/đối tượng hỗ trợ.

Đồng thời hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận hữu cơ theo thực tế nhưng không quá 75 triệu đồng đối với diện tích từ 01 ha đến dưới 03 ha; không quá 85 triệu đồng đối với diện tích từ 03 ha đến 05 ha; không quá 100 triệu đồng đối với diện tích trên 05 ha.

d) Thời điểm hỗ trợ: Sau khi được cấp giấy chứng nhận hữu cơ.

đ) Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu 03).

- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn, Giấy chứng nhận sản xuất đạt tiêu chuẩn hữu cơ (bản sao hợp lệ).

- Hợp đồng mua giống, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học (bản sao hợp lệ).

- Thanh lý hợp đồng mua giống, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học (bản sao hợp lệ).

- Hóa đơn mua giống, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học (bản sao hợp lệ).

4. Hỗ trợ chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cho cơ sở sản xuất nông sản thực phẩm an toàn

a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sơ chế, chế biến nông sản thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh.

b) Điều kiện hỗ trợ: Được chứng nhận đạt một trong các tiêu chuẩn sau: HACCP/ISO 22000/FSSC 22000/HALAL.

c) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần chi phí chứng nhận HACCP/ISO 22000/FSSC 22000/HALAL (gồm: chi phí thuê tư vấn xây dựng, áp dụng và chứng nhận đạt tiêu chuẩn). Mức hỗ trợ 120 triệu đồng/cơ sở.

d) Thời điểm hỗ trợ: Sau khi cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn (HACCP/ISO 22000/FSSC 22000/HALAL).

đ) Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu 04).
- Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn (HACCP/ISO 22000/FSSC 22000/HALAL) còn hiệu lực (bản sao hợp lệ).

5. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản theo quy trình thực hành tốt (VietGAP, hữu cơ)

a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh.

b) Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, có diện tích nuôi trồng thủy sản tối thiểu 0,5 ha đối với hộ gia đình, cá nhân; 02 ha đối với tổ chức.

- Được chứng nhận đạt một trong các tiêu chuẩn sau: VietGAP, hữu cơ.

c) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần chi phí chứng nhận VietGAP/hữu cơ đối với cơ sở được cấp giấy chứng nhận lần đầu. Mức hỗ trợ 60 triệu đồng/cơ sở đối với diện tích nuôi trồng thủy sản được chứng nhận từ 0,5 ha đến dưới 01 ha; 65 triệu đồng/cơ sở đối với diện tích nuôi trồng thủy sản được chứng nhận từ 01 ha đến 02 ha; 70 triệu đồng/cơ sở đối với diện tích nuôi trồng thủy sản được chứng nhận trên 02 ha.

d) Thời điểm hỗ trợ: Sau khi cơ sở được cấp Giấy chứng nhận VietGAP/hữu cơ.

đ) Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu 05).
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được giao, cho thuê đất để nuôi trồng thủy sản hoặc giấy phép hoạt động nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, thủy điện hoặc quyết định giao khu vực biển hoặc hợp

đồng thuê quyền sử dụng đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản hoặc văn bản xác nhận, văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền (bản sao hợp lệ).

- Giấy chứng nhận VietGAP/hữu cơ còn hiệu lực (bản sao hợp lệ).

6. Hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao

a) Đối tượng hỗ trợ: Các tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thuê quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân khác hoặc đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo quy định để tích tụ, tập trung đất đai, phát triển sản xuất nông nghiệp (trồng trọt và nuôi trồng thủy sản) quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao.

b) Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có phương án sản xuất nông nghiệp tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao.

- Ứng dụng ít nhất một trong các công nghệ quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo Quyết định số 23/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục công nghệ cao được khuyến khích phát triển.

- Quy mô diện tích: Các vùng sản xuất tập trung, liên vùng với quy mô diện tích như sau:

+ Cây mía: Diện tích tối thiểu 05 ha đối với hộ gia đình, cá nhân; 30 ha đối với hợp tác xã, tổ hợp tác; doanh nghiệp.

+ Cây rau, cây hoa, cây dưa: Diện tích tối thiểu 01 ha đối với hộ gia đình, cá nhân; 03 ha đối với hợp tác xã, tổ hợp tác; 05 ha đối với doanh nghiệp.

+ Cây ăn quả, cây dược liệu, cây thức ăn chăn nuôi: Diện tích tối thiểu 03 ha đối với hộ gia đình, cá nhân; 10 ha đối với hợp tác xã, tổ hợp tác; 15 ha đối với doanh nghiệp.

+ Tôm thẻ chân trắng (tên khoa học *Litopenaeus vannamei*): Diện tích tối thiểu 01 ha đối với hộ gia đình, cá nhân; 05 ha đối với hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp.

- Sản xuất đạt một trong các tiêu chuẩn sau: VietGAP/GlobalGAP/hữu cơ hoặc đảm bảo đủ điều kiện an toàn thực phẩm (riêng cây thức ăn chăn nuôi đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng theo yêu cầu của bên mua sản phẩm theo hợp đồng).

c) Nội dung và mức hỗ trợ:

- **Nhóm: Cây rau, cây hoa, cây dưa và tôm thẻ chân trắng:**

+ Dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì được hỗ trợ tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mức hỗ trợ theo thực tế, tối đa không quá 200 triệu đồng/ha và không quá 02 tỷ đồng/đối tượng hỗ trợ.



+ Dự án thuê quyền sử dụng đất thì được hỗ trợ tiền thuê quyền sử dụng đất trong thời gian 05 năm đầu tiên kể từ khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động, mức hỗ trợ theo hợp đồng thuê thực tế, tối đa không quá 30 triệu đồng/ha/năm và không quá 300 triệu đồng/đối tượng hỗ trợ.

+ Trường hợp dự án có cả hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng thuê quyền sử dụng đất thì được hỗ trợ bằng tổng các hỗ trợ theo quy định nêu trên.

- Nhóm: Cây ăn quả, cây dược liệu:

+ Dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì được hỗ trợ tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mức hỗ trợ theo thực tế, tối đa không quá 150 triệu đồng/ha và không quá 03 tỷ đồng/đối tượng hỗ trợ.

+ Dự án thuê quyền sử dụng đất thì được hỗ trợ tiền thuê quyền sử dụng đất trong thời gian 05 năm đầu tiên kể từ khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động, mức hỗ trợ theo hợp đồng thuê thực tế, tối đa không quá 20 triệu đồng/ha/năm và không quá 400 triệu đồng/đối tượng hỗ trợ.

+ Trường hợp dự án có cả hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng thuê quyền sử dụng đất thì được hỗ trợ bằng tổng các hỗ trợ theo quy định nêu trên.

- Nhóm: Cây mía, cây thức ăn chăn nuôi:

+ Dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì được hỗ trợ tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mức hỗ trợ theo thực tế, tối đa không quá 100 triệu đồng/ha và không quá 04 tỷ đồng/đối tượng hỗ trợ.

+ Dự án thuê quyền sử dụng đất thì được hỗ trợ tiền thuê đất trong thời gian 05 năm đầu tiên kể từ khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động, mức hỗ trợ theo hợp đồng thuê thực tế, tối đa không quá 05 triệu đồng/ha/năm và không quá 200 triệu đồng/đối tượng hỗ trợ.

+ Trường hợp dự án có cả hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng thuê quyền sử dụng đất thì được hỗ trợ bằng tổng các hỗ trợ theo quy định nêu trên.

d) Thời điểm hỗ trợ: Sau khi dự án hoàn thành đầu tư đi vào hoạt động và kết thúc năm sản xuất.

đ) Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê quyền sử dụng đất:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu 06).

+ Phương án sản xuất nông nghiệp tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (bản chính) (theo mẫu 08).



+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đối với việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất)/Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất (đối với việc thuê quyền sử dụng đất) (bản sao hợp lệ).

+ Hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc hợp đồng hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao hoặc tài liệu chứng minh khả năng tự ứng dụng công nghệ của chủ dự án (Quy trình áp dụng trong sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản sản phẩm) (bản sao hợp lệ).

+ Giấy chứng nhận đạt một trong các tiêu chuẩn sau: VietGAP/GlobalGAP/hữu cơ hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc đảm bảo an toàn thực phẩm theo cam kết (Riêng cây thức ăn chăn nuôi đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng theo yêu cầu bên thu mua sản phẩm theo hợp đồng) (bản sao hợp lệ).

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí thuê quyền sử dụng đất từ năm thứ hai trở đi:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu 06).

+ Phương án sản xuất nông nghiệp tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (bản chính), (theo mẫu 08).

+ Các loại giấy chứng nhận còn hiệu lực gồm: Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP/GlobalGAP/hữu cơ hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc đảm bảo an toàn thực phẩm theo cam kết (bản sao hợp lệ).

7. Hỗ trợ hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, quy mô lớn; hạ tầng về môi trường trên địa bàn tỉnh

a) Đối tượng hỗ trợ: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có vùng sản xuất nông nghiệp tập trung chuyên canh; khu trang trại chăn nuôi; vùng trồng rừng tập trung; dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Đối với vùng sản xuất nông nghiệp tập trung chuyên canh (cây ăn quả, rau an toàn, cói).

+ Có phương án sản xuất nông nghiệp tập trung chuyên canh của Ủy ban nhân dân cấp xã.

+ Các cơ sở sản xuất trong vùng được chứng nhận sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP/GlobalGAP/hữu cơ (trừ cây cói).

+ Vùng trồng cây ăn quả tập trung: Diện tích trồng tập trung từ 10 ha trở lên.

+ Vùng sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh: Diện tích sản xuất tập trung từ 03 ha trở lên.

+ Vùng chuyên canh cói: Diện tích trồng cói chuyên canh tập trung từ 30 ha trở lên.

- Đối với khu trang trại chăn nuôi tập trung quy mô lớn:

+ Đảm bảo khoảng cách trang trại chăn nuôi an toàn theo quy định của pháp luật và được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư.

+ Được chứng nhận sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP/GlobalGAP.

+ Tổng đàn vật nuôi của mỗi khu trang trại phải đảm bảo quy mô từ 400 con trâu, bò trở lên; hoặc từ 60.000 con gà hoặc 60.000 con vịt trở lên; đối với khu trang trại chăn nuôi tổng hợp có từ 2 đối tượng trở lên (trâu, bò, gà, vịt) quy mô chăn nuôi đáp ứng từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên.

- Đối với xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Có dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư; công suất xử lý từ 50 tấn/ngày trở lên, sử dụng công nghệ đốt (đốt không thu hồi năng lượng hoặc đốt thu hồi năng lượng để phát điện) hoặc công nghệ hỗn hợp (sản xuất phân bón, mùn hữu cơ, tái chế phế liệu kết hợp đốt) đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo các quy định hiện hành.

- Đối với vùng trồng rừng tập trung: Diện tích rừng trồng (rừng gỗ trồng, quế, tre luồng) thuộc đối tượng rừng sản xuất tập trung từ 200 ha trở lên.

c) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Vùng trồng cây ăn quả tập trung: Hỗ trợ 01 lần chi phí xây dựng hạ tầng (đường giao thông, điện, hệ thống cấp nước vùng sản xuất cây ăn quả tập trung). Mức hỗ trợ 6 tỷ đồng/vùng.

- Vùng sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh: Hỗ trợ 01 lần chi phí để xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng (gồm: đường giao thông, hệ thống tưới tiêu). Mức hỗ trợ 01 tỷ đồng/vùng.

- Vùng chuyên canh cói: Hỗ trợ 01 lần chi phí xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng (đường giao thông nội đồng, hệ thống kênh mương phục vụ tưới, tiêu, hệ thống điện). Mức hỗ trợ 05 tỷ đồng/vùng.

- Khu trang trại chăn nuôi tập trung quy mô lớn: Hỗ trợ 01 lần chi phí xây dựng hạ tầng (gồm: đường giao thông, đường điện, hệ thống cấp nước đến chân hàng rào cho khu trang trại chăn nuôi tập trung). Mức hỗ trợ 03 tỷ đồng/khu đối với miền xuôi và 3,5 tỷ đồng/khu đối với miền núi.

- Vùng trồng rừng sản xuất tập trung (rừng gỗ trồng, quế, tre luồng): Hỗ trợ 01 lần kinh phí làm mới đường lâm nghiệp. Mức hỗ trợ 200 ha rừng trồng tập trung được hỗ trợ 500 triệu đồng.

- Dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Hỗ trợ 100% kinh phí để xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đến chân hàng rào dự án (gồm: Đường giao thông, đường điện, hệ thống thoát nước).

d) Thành phần hồ sơ:

- Đối với vùng sản xuất nông nghiệp tập trung chuyên canh (cây ăn quả, rau an toàn, cói).

+ Phương án sản xuất nông nghiệp tập trung chuyên canh của Ủy ban nhân dân cấp xã (bản chính).

+ Giấy chứng nhận sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP/GlobalGAP/hữu cơ (trừ cây cói) của các cơ sở sản xuất trong vùng (bản sao hợp lệ).

+ Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng hạ tầng vùng nông nghiệp tập trung của Ủy ban nhân dân cấp xã (bản chính).

- Đối với khu trang trại chăn nuôi tập trung quy mô lớn:

+ Các cơ sở sản xuất trong vùng được chứng nhận sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP/GlobalGAP (bản sao hợp lệ).

- Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng hạ tầng vùng nông nghiệp tập trung của Ủy ban nhân dân cấp xã (bản chính).

- Đối với vùng trồng rừng tập trung:

+ Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng đường lâm nghiệp vùng trồng rừng sản xuất tập trung của Ủy ban nhân dân cấp xã (bản chính).

- Đối với dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

+ Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng hạ tầng hỗ trợ dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt của Ủy ban nhân dân cấp xã (bản chính).

8. Hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại trong sinh hoạt và trong sản xuất nông nghiệp phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

8.1. Hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

a) Đối tượng hỗ trợ: Hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý tại cơ sở xử lý tập trung bằng phương pháp không chôn lấp trực tiếp.

c) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 100% chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa bằng phương pháp không chôn lấp trực tiếp.

- Chi phí xử lý được xác định căn cứ vào giá trị hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đã ký giữa Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý chất thải, đồng thời căn cứ vào khối lượng chất thải rắn sinh hoạt thực tế đã được xử lý theo hợp đồng và được Ủy ban nhân dân cấp xã nghiệm thu, xác nhận theo quy định của pháp luật.

- Phương thức hỗ trợ: Ngân sách tỉnh hỗ trợ thông qua Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện hợp đồng xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; thực hiện hỗ trợ theo phương thức giao kinh phí cho Ủy ban nhân dân cấp xã thanh toán cho đơn vị cung ứng dịch vụ trên cơ sở nghiệm thu khối lượng thực tế.

8.2. Hỗ trợ vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong sinh hoạt và hoạt động sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

a) Đối tượng hỗ trợ: Hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có phát sinh chất thải nguy hại trong sinh hoạt và hoạt động sản xuất nông nghiệp.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Chất thải nguy hại phát sinh trong sinh hoạt và hoạt động sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa phải được xử lý tại cơ sở xử lý tập trung được cơ quan có thẩm quyền cấp phép xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

c) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 100% chi phí vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong sinh hoạt và hoạt động sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Chi phí vận chuyển, xử lý được xác định căn cứ vào giá trị hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải nguy hại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị cung cấp dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, đồng thời căn cứ vào khối lượng chất thải nguy hại thực tế đã được xử lý theo hợp đồng và được Ủy ban nhân dân cấp xã nghiệm thu, xác nhận, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

- Phương thức hỗ trợ: Ngân sách tỉnh hỗ trợ thông qua Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật; thực hiện hỗ trợ theo phương thức giao kinh phí cho Ủy ban nhân dân cấp xã thanh toán cho đơn vị cung ứng dịch vụ vận chuyển xử lý trên cơ sở nghiệm thu khối lượng thực tế.

Điều 4. Trình tự, thủ tục thực hiện chính sách

1. Trình tự thủ tục xây dựng kế hoạch kinh phí hỗ trợ

a) Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đủ điều kiện thực hiện chính sách đăng ký kế hoạch khối lượng và dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ năm sau gửi Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 15 tháng 7 năm trước năm kế hoạch.

b) Trên cơ sở đăng ký của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và nhu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch khối lượng và dự toán kinh phí thực hiện chính sách trên địa bàn xã, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 30 tháng 7 năm trước năm kế hoạch.



c) Trước ngày 30 tháng 8 năm trước năm kế hoạch, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng kế hoạch về khối lượng và dự toán chi tiết thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh, gửi Sở Tài chính.

d) Trên cơ sở kế hoạch về khối lượng và dự toán kinh phí của Sở Nông nghiệp và Môi trường, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp vào dự toán ngân sách tỉnh hằng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách.

đ) Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương hằng năm (trong đó có dự toán chi tiết cho các chính sách), Sở Tài chính thông báo ngân sách cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận và giải ngân nguồn kinh phí theo quy định, tránh để thất thoát nguồn vốn của Nhà nước.

e) Trình tự, thủ tục thực hiện đối với các nội dung chính sách đã được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, kể từ khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, được thực hiện như sau: Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch khối lượng và dự toán kinh phí thực hiện chính sách, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp nhu cầu kinh phí trong phạm vi dự toán đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định; Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi Sở Tài chính thẩm định, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ, quyết định giao dự toán cho các địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Trình tự thủ tục thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ

a) Đối với các chính sách tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, Điều 3 Nghị quyết này:

- Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả các cấp (trước ngày 15/12 hằng năm). Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tổ chức sản xuất.

Trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân cấp xã/công chức cấp xã phụ trách khi xem xét, thẩm định hồ sơ có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin để thay thế cho các giấy tờ đã tra cứu, khai thác được trên các Cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc Cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Trong trường hợp các thành phần hồ sơ được khai thác trên các Cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc Cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì tổ chức, cá nhân không phải nộp thành phần hồ sơ đó. Trường hợp không khai thác được hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì thực hiện như sau: (1) Trường hợp hồ sơ thủ tục hành chính nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính phải có thông báo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ cho người nộp hồ sơ không muộn hơn 08 giờ làm việc kể



từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ. Việc thông báo được thực hiện bằng một hoặc nhiều phương thức: gửi đến tài khoản cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc trên VNeID; gửi tin nhắn hoặc liên hệ qua số điện thoại; đồng thời hướng dẫn người nộp hồ sơ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền cập nhật, điều chỉnh dữ liệu. (2) Trường hợp hồ sơ thủ tục hành chính nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ cho người nộp hồ sơ trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ; thực hiện việc số hóa phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; đồng thời hướng dẫn người nộp hồ sơ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền cập nhật, điều chỉnh dữ liệu.

- Bước 2: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế (hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, thực hiện thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

Bước 3: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Phòng Kinh tế (hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Quyết định hỗ trợ.

Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, trong đó nêu rõ lý do.

Bước 4: Căn cứ Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chi trả cho các đối tượng thụ hưởng chính sách trong 03 ngày làm việc sau khi có Quyết định hỗ trợ.

b) Đối với chính sách quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị quyết này: Phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị căn cứ dự toán ngân sách đã được bổ sung, điều kiện, nội dung được hỗ trợ, quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo, đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, đề xuất của Phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt.

c) Đối với chính sách quy định tại điểm 8.1 khoản 8 Điều 3 Nghị quyết này: Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đấu thầu và các luật có liên quan hiện hành, hợp đồng đã ký, tổ chức nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy định. Đối với chính sách quy định tại điểm 8.2 khoản 8 Điều 3 Nghị quyết này: Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ dự toán ngân sách đã được cấp, tổ chức lựa chọn và ký hợp đồng với các đơn vị vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại trong sinh hoạt và hoạt động sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đấu thầu và các luật có liên quan hiện hành để nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy định.

Điều 5. Nguồn kinh phí và thời gian thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách tỉnh, được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm.



2. Thời gian thực hiện hỗ trợ: Từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030. Riêng đối với chính sách quy định điểm 8.1, khoản 8 Điều 3 Nghị quyết này: Thời gian thực hiện hỗ trợ từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Điều 6. Điều khoản chung

1. Đối với các chính sách quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 3, chỉ hỗ trợ đối với các sản phẩm được bắt đầu triển khai trong giai đoạn 2026 - 2030.

2. Trường hợp có nhiều chính sách hỗ trợ cùng một nội dung, cùng một thời điểm thì đối tượng thụ hưởng chỉ được hưởng một chính sách.

3. Đối với các đối tượng đang được hưởng chính sách hỗ trợ kinh phí thuê quyền sử dụng đất theo Nghị quyết số 192/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, nếu chưa đủ thời gian hỗ trợ 05 năm thì tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ cho thời gian còn lại theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 27 tháng 7 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XIX, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Phong

CÁC MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ, BÁO CÁO VÀ PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN
(Kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành chính sách phát triển nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030)

Mẫu số 01:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Hỗ trợ sản xuất giống cây trồng bằng phương pháp nuôi cấy mô (In vitro)

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường¹

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức

2. Người đại diện:

3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số Ngày cấp: Nơi cấp

4. Địa chỉ: Số điện thoại:

5. Tài khoản ngân hàng: Tên chủ tài khoản..... Số tài khoản

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ sản xuất giống cây trồng bằng phương pháp nuôi cấy mô (In vitro), đối tượng cây trồng: mía/sắn/dứa/chuối, số lượng: cây.

III. Kinh phí đề nghị hỗ trợ

.... cây x 2.000 đồng/cây = đồng

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:..... đồng.

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường xem xét./.

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, họ tên và đóng dấu)

¹ Nơi mà các tổ chức thực hiện sản xuất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà màng, nhà lưới để phục vụ sản xuất
nông nghiệp công nghệ cao

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường²

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức/hộ gia đình/cá nhân:.....
 2. Người đại diện (đối với tổ chức):
 3. Số CMND/CCCD:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp.....
- Hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức) ... Ngày cấp: Nơi cấp
4. Địa chỉ: Số điện thoại:
 5. Tài khoản ngân hàng: Tên chủ tài khoản..... Số tài khoản

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà màng, nhà lưới phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

III. Kinh phí đề nghị hỗ trợ

- Nhà lưới m² x 100.000 đồng/m² = đồng.

- Nhà màng m² x 150.000 đồng/m² = đồng.

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:..... đồng.

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường xem xét./.

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/ HỘ GIA
ĐÌNH/CÁ NHÂN

Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có)

² Nơi mà các tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác)/hộ gia đình/cá nhân thực hiện sản xuất nông nghiệp

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp đạt tiêu chuẩn hữu cơ

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường³

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức/hộ gia đình/cá nhân:.....
2. Người đại diện (đối với tổ chức):
3. Số CMND/CCCD:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp.....
Hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức)..... Ngày cấp: ... Nơi cấp
4. Địa chỉ: Số điện thoại:
5. Tài khoản ngân hàng: Tên chủ tài khoản..... Số tài khoản

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ kinh phí sản xuất nông nghiệp đạt tiêu chuẩn hữu cơ.

III. Kinh phí đề nghị hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí sản xuất ban đầu (giống, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học):
 - + Nhóm cây ăn quả: 45 triệu đồng/ha x ...ha =..... đồng.
 - + Nhóm cây rau: 30 triệu đồng/ha xha =..... đồng.
 - Hỗ trợ chi phí chứng nhận hữu cơ: Diện tích ha; kinh phí hỗ trợ đồng. Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:..... đồng.
- Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường xem xét./.

....., ngày tháng năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/ HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN
Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có)

³ Nơi mà các tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác)/hộ gia đình/cá nhân thực hiện sản xuất nông nghiệp

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Hỗ trợ chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cho cơ sở sản xuất nông sản thực phẩm an toàn

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường⁴

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức / cá nhân:
2. Người đại diện (đối với tổ chức):
3. Số CMND/CCCD:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp.....
- Hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức)..... Ngày cấp:.....Nơi cấp
4. Địa chỉ: Số điện thoại:
5. Tài khoản ngân hàng: Tên chủ tài khoản..... Số tài khoản

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cho cơ sở sản xuất nông sản thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

III. Kinh phí đề nghị hỗ trợ

Kinh phí chứng nhận (HACCP/ISO 22000/FSSC 22000/HALAL)đồng.

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ: đồng.

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường xem xét./.

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/ HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN
Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có)



⁴ Nơi tổ chức/cá nhân sơ chế, chế biến nông sản thực phẩm an toàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ kinh phí nuôi trồng thủy sản theo quy trình thực hành tốt (VietGAP, hữu cơ)

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường⁵

I. Thông tin chung

1. Tổ chức/hộ gia đình/cá nhân:.....
2. Người đại diện (đối với tổ chức);
3. Số CMND/CCCD (đối với chủ cơ sở không phải là tổ chức)/mã số doanh nghiệp/QĐ thành lập với hợp tác xã/Tổ hợp tác:; ngày cấp.....; nơi cấp.....
4. Địa chỉ cơ sở: Số điện thoại:

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ kinh phí nuôi trồng thủy sản theo quy trình thực hành tốt (VietGAP, hữu cơ):

Tổng diện tích NTTS của cơ sở.....ha; Địa chỉ sản xuất

Diện tích đề nghị hỗ trợ:.....ha; đối tượng nuôi:.....Phương thức nuôi:.....

Sản lượng nuôi:.....tấn

III. Kinh phí đề nghị hỗ trợ

Hỗ trợ 01 lần chi phí chứng nhận VietGAP/hữu cơ đối với cơ sở được cấp giấy chứng nhận lần đầu:đồng

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:đồng.

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/ xem xét./.

....., ngày..... thángnăm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/

HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN

Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có)

⁵ Nơi tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác)/hộ gia đình/cá nhân thực hiện nuôi trồng thủy sản.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ kinh phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường⁶.....

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức/hộ gia đình/cá nhân:.....
2. Người đại diện (đối với tổ chức):
3. Số CMND/CCCD:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp.....
Hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức)
- Ngày cấp:.....Nơi cấp
4. Địa chỉ: Số điện thoại:
5. Tài khoản ngân hàng: Tên chủ tài khoảnSố tài khoản..... Ngân hàng.....

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ kinh phí sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, với nội dung như sau:

*** Nhóm: Cây rau, cây hoa, cây dưa và tôm thẻ chân trắng:**

- Dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất: diện tích... ha, kinh phí hỗ trợ... triệu đồng.
- Dự án thuê quyền sử dụng đất: Diện tích năm thứ nhất: ha; diện tích năm thứ 2: ha; diện tích năm thứ 3: ha; diện tích năm thứ 4: ha; diện tích năm thứ 5: ha. Kinh phí hỗ trợ: triệu đồng.

*** Nhóm: Cây ăn quả, cây dược liệu:**

- Dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất: diện tích... ha, kinh phí hỗ trợ... triệu đồng.
- Dự án thuê quyền sử dụng đất: Diện tích năm thứ nhất: ha; diện tích năm thứ 2: ha; diện tích năm thứ 3: ha; diện tích năm thứ 4: ha; diện tích năm thứ 5: ha. Kinh phí hỗ trợ: triệu đồng.

*** Nhóm: Cây mía, cây thức ăn chăn nuôi:**

- Dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất: diện tích... ha, kinh phí hỗ trợ... triệu đồng.
- Dự án thuê quyền sử dụng đất: Diện tích năm thứ nhất: ha; diện tích năm thứ 2: ha; diện tích năm thứ 3: ha; diện tích năm thứ 4: ha; diện tích năm thứ 5: ha. Kinh phí hỗ trợ: triệu đồng.

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:..... triệu đồng.

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường..... xem xét./.

....., ngày tháng năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/ HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN
Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có)

⁶ Nơi tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác)/hộ gia đình/cá nhân thực hiện sản xuất nông nghiệp.

TÊN ĐƠN VỊCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...

Thanh Hóa, ngày tháng năm

BÁO CÁO**Kết quả thực hiện nhân giống cây trồng bằng phương pháp nuôi cấy mô (In vitro)****I. THÔNG TIN CHUNG**

Tên đơn vị thực hiện:

Địa chỉ:

Thời gian thực hiện: Từ tháng năm đến tháng năm

Địa điểm thực hiện: Phòng nuôi cấy mô, nhà lưới, vườn ươm của đơn vị....

II. CĂN CỨ THỰC HIỆN

- Căn cứ chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;
- Căn cứ kế hoạch/đề án/hợp đồng đã được phê duyệt;
- Căn cứ nhu cầu thực tiễn về sản xuất cây giống chất lượng cao tại địa phương...

III. ĐỐI TƯỢNG, MỤC TIÊU NHÂN GIỐNG

1. Đối tượng cây trồng:

- Tên cây trồng:
- Tên khoa học (nếu có):
- Giống/dòng cây:

2. Mục tiêu:

- Nhân giống cây trồng bằng phương pháp nuôi cấy mô nhằm tạo ra cây giống sạch bệnh, đồng đều, chất lượng cao.
- Số lượng cây giống: cây.

IV. QUY TRÌNH, PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

1. Chuẩn bị

- Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng nuôi cấy mô.
- Chuẩn bị vật liệu ban đầu.

2. Các bước thực hiện

- Lấy mẫu và khử trùng mẫu.
- Nuôi cấy tạo mẫu sạch và gây chồi.
- Nhân nhanh chồi qua các lần cấy chuyển.
- Tạo rễ cho cây in vitro.
- Huấn luyện để thuần dưỡng cây con và chuyển ra vườn ươm.

V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả về số lượng: Số lượng cây đạt tiêu chuẩn xuất vườn:cây.

2. Kết quả về chất lượng

- Tình hình sinh trưởng cây giống, đặc điểm bộ rễ, bộ lá...

- Đã được công bố lưu hành tại văn bản...

- Cây giống thương phẩm sạch bệnh, đủ tiêu chuẩn xuất vườn đi trồng, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

VI. HIỆU QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Hiệu quả kỹ thuật

- Chủ động nguồn cây giống, quy mô công nghiệp, chất lượng cao.

- Ứng dụng công nghệ nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật hiệu quả công nghệ nuôi cấy mô vào sản xuất.

2. Hiệu quả kinh tế

- Giảm chi phí cho việc sử dụng thuốc BVTV và các loại sâu bệnh hại cây trồng so với sử dụng nguồn cây giống từ phương pháp truyền thống.

- Giảm diện tích nhà lưới, vườn ươm so với phương pháp nhân giống truyền thống;

- Tính đồng nhất của giống thuần cao, giảm sâu bệnh hại và cây sạch các bệnh liên quan virus.

- Góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

3. Hiệu quả xã hội

- Cung cấp cây giống phục vụ sản xuất tại địa phương.

- Làm chủ nguồn giống quy mô công nghiệp.

- Tạo tiền đề mở rộng quy mô sản xuất giống.

VII. KHÓ KHĂN, TỒN TẠI

VIII. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Việc nhân giống cây trồng bằng phương pháp nuôi cấy mô đã đạt được mục tiêu đề ra, tạo ra cây giống đảm bảo số lượng và chất lượng, đủ điều kiện phục vụ sản xuất và đề nghị được nghiệm thu, hỗ trợ theo chính sách.

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN



**TÊN TỔ CHỨC/CÁ
NHÂN/HỘ GIA ĐÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /PA-...

Thanh Hóa, ngày tháng năm

**PHƯƠNG ÁN
SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG QUY MÔ LỚN, ỨNG DỤNG CÔNG
NGHỆ CAO TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM/GIAI ĐOẠN.....**

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên chủ đầu tư:

Địa chỉ liên hệ:

Người đại diện:

Điện thoại:

Đăng ký kinh doanh lĩnh vực:

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

Đánh giá thực trạng sản xuất

Thuận lợi và khó khăn

Sự cần thiết xây dựng Phương án

III. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Mục tiêu:

2. Địa điểm thực hiện:

3. Quy mô và đối tượng sản xuất:

- Quy mô: ha

- Đối tượng sản xuất:

4. Công nghệ, kỹ thuật ứng dụng:

5. Các hạng mục đầu tư:

Cải tạo, san gạt mặt bằng.

Hệ thống giao thông nội đồng.

Hệ thống thủy lợi, tưới tiêu.

Nhà lưới/nhà màng (nếu có).

Kho bảo quản, sơ chế.

Hệ thống điện sản xuất.

Biển hiệu vùng sản xuất....

6. Kinh phí thực hiện:

Tổng mức đầu tư dự kiến: tỷ đồng.

Nguồn vốn:



- Vốn huy động hợp pháp:
- Vốn tự có của Tổ chức/cá nhân:
- Ngân sách nhà nước hỗ trợ:

(Kèm theo biểu dự toán chi tiết kinh phí thực hiện).

7. Đánh giá tác động: đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường...

8. Dự kiến tiến độ thực hiện:

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/ HỘ GIA
ĐÌNH/CÁ NHÂN**

(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

